

BỘ TÀI CHÍNH-BỘ NỘI
THƯƠNG
Số: 39-TT/LB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 1983

THÔNG TƯ LIÊN BỘ

Hướng dẫn bù tiền chênh lệch giá vải

Quyết định số 118-HĐBT ngày 11-10-1983 của Hội đồng Bộ trưởng quy định cho phép các tổ chức thương nghiệp bán vải theo giá lẻ ổn định cho các đối tượng được cung cấp. Phần chênh lệch giữa giá cả với giá cung cấp thì Bộ Tài chính cấp bù.

Liên Bộ Tài chính- Nội thương hướng dẫn bù chênh lệch giá vải như sau:

I. Đối tượng được cấp bù:

Đối tượng được bù tiền chênh lệch giá vải là các đối tượng hưởng chế độ cung cấp vải. Các đối tượng này đã được quy định tại các quyết định số 218-CP ngày 29-5-1981 của Hội đồng Chính phủ số 111-HĐBT ngày 13-10-1981; số 105-HĐBT ngày 25-6-1982; số 133 HĐBT ngày 17-8-1982 của Hội đồng Bộ trưởng và các văn bản của Bộ Nội thương hướng dẫn thi hành các quyết định trên. Cụ thể là:

- Các đối tượng là công nhân, viên chức (bao gồm cả công nhân, viên chức nghỉ hưu, mất sức) học sinh các trường cao đẳng, đại học, trung học chuyên nghiệp và học nghề được cấp phiếu vải 5 mét.
- Đối tượng là người ăn theo được cấp phiếu vải 4 mét.
- Các đối tượng thuộc diện chính sách được cấp phiếu vải 5 mét, 4 mét; tem vải 2m²; tem vải 1 mét; một số đối tượng hưởng tiêu chuẩn vải theo giá cung cấp do ngành nội thương phân phối bằng lệnh, cung cấp theo kế hoạch và giáo viên mẫu giáo ngoài biên chế được cấp phiếu vải 5 mét.

II. Mức bù chênh lệch và căn cứ để bù:

1. Mức bù:

-Đơn giá bù tiền cho loại phiếu vải 5 mét; tem vải 2,2 mét (đối với thương binh cụt chân) và tem vải 1 mét (đối với cán bộ vùng cao) là 57,5đ/m tem phiếu.

-Mức bù:Phiếu 5 mét = 288đ

Tem 2,2 mét = 127đ

Tem 1 mét = 58đ

-Đơn giá bù tiền cho loại phiếu 4 mét; tem vải 1 mét cho con liệt sĩ không nơi nương tựa (đối tượng này được cấp phiếu vải 4 mét và tem vải 1 mét) là 24đ/mét tem phiếu.

Mức bù: Phiếu 4 mét = 96đ

Tem 1 mét = 24đ

2. Căn cứ để bù:

a) Đối tượng có phiếu 5 mét (trừ giáo viên mẫu giáo ngoài biên chế):

Cơ quan nào quản lý và cấp phát tiền lương, trợ cấp, phụ cấp, học bổng... thì cơ quan đó căn cứ vào danh sách trả lương, trả trợ cấp, phụ cấp, học bổng (gọi tắt là bảng lương) để bù tiền. Căn cứ bù tiền là tên trong bảng lương cùng với tên trong biểu kê khai và cấp phát phiếu vải. Đối với cán bộ xã, phường cũng áp dụng quy định này.

Trường hợp có tên trong bảng lương, nhưng không có tên trong biểu kê khai và cấp phát phiếu vải thì không được cấp bù chênh lệch giá vải.

Người di chuyển từ nơi công tác cũ đến nơi mới trong năm 1983 phải có xác nhận của cơ quan cũ về việc chưa được cấp bù chênh lệch giá vải mới được xét cấp bù.

b) Đối tượng là người ăn theo có phiếu vải 4 mét:

Để việc cấp bù không trùng lặp, các đối tượng ăn theo được kê khai theo nữ công nhân, viên chức. Nữ công nhân, viên chức (kể cả hưu trí, mất sức) đang lĩnh lương, lĩnh trợ cấp ở cơ quan nào thì kê khai với cơ quan đó có số người ăn theo của gia đình mình đã được cấp phiếu vải 4 mét (biểu số 1) để cơ quan tổng hợp (biểu số 2) và lập dự toán xin ngân sách cấp bù. Người ăn theo thuộc lực lượng vũ trang cũng thực hiện theo nguyên tắc này.

Trường hợp đặc biệt vì lý do nào đó, người ăn theo không thể kê khai theo nữ công nhân, viên chức thì được kê khai theo nam công nhân, viên chức. Nhưng cơ quan

quản lý nữ công nhân, viên chức phải xác nhận là chưa kê khai gửi cho cơ quan của nam công nhân, viên chức để tránh kê khai 2 lần. Hoặc, người ăn theo được kê khai theo nam công nhân, viên chức- nếu người vợ không phải là công nhân, viên chức Nhà nước.

Danh sách người ăn theo phải được cơ quan tổng hợp chung, có con dấu và chữ ký xác nhận của thủ trưởng, kế toán trưởng và công đoàn cơ quan.

Đối với tỉnh, thành phố không dùng tem, phiếu vải thì sổ cung cấp được dùng làm căn cứ để cấp bù.

c) Đối tượng thuộc diện chính sách được cấp phiếu vải 4 mét, tem vải 2,2 mét, tem vải 1 mét và phiếu vải 5 mét.

Căn cứ để cấp bù là danh sách trả trợ cấp của cơ quan thương binh xã hội và danh sách cấp phát tem phiếu vải do cơ quan thương binh xã hội lập.

Riêng loại tem vải 1 mét của cán bộ cùng cao thì, căn cứ để cấp bù là danh sách trả lương và biểu kê khai cấp phát tem vải đã được duyệt trước đây.

Đối với giáo viên mẫu giáo ngoài biên chế thì do phòng giáo dục, quận, huyện kê khai danh sách cùng với danh sách trong biểu kê khai cấp phát phiếu vải do nơi cấp phát xác nhận để làm căn cứ cấp bù.

Để việc cấp bù tiền không trùng lắp hoặc không có tem, phiếu vải nhưng vẫn được bù tiền, cơ quan cấp bù phải đóng dấu "đã bù tiền" vào cuống phiếu vải 4 mét và phía sau tem vải của đối tượng ăn theo và đối tượng thuộc diện chính sách.

III. Nguồn tiền để bù và hạch toán cấp bù:

1. Đối với công nhân, viên chức, học sinh và đối tượng chính sách:

a) Công nhân, viên chức thuộc các cơ quan hành chính sự nghiệp, người về hưu, mất sức và các đối tượng chính sách khác do ngành thương binh xã hội quản lý, nguồn tiền để bù sẽ do ngân sách cấp trong dự toán kinh phí hàng năm, ghi vào tiết u, Mục 3 "phúc lợi tập thể" của các loại, khoản, hạng tương ứng (gọi là khoản phụ cấp "bù giá vải"). Ngân sách cấp nào chi lương, chi trợ cấp... thì ngân sách cấp đó chi bù tiền chênh lệch giá vải.